

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/ HNGĐ - ST

Ngày: 22/8/2022

"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Hiệp

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Đại - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 158/2022/TLST - HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Y, sinh năm 1988 (*có mặt*)

Nơi cư trú: Tổ 3, phường Đ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Hoàng Thái S, sinh năm 1980 (*có đơn xin vắng mặt*)

Nơi cư trú: Tổ 3, phường Đ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Y trình bày:

Tôi và anh Hoàng Thái S tổ chức cưới hỏi theo nghi thức truyền thống vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, TP Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn tôi về sống cùng chồng tại tổ 3 (tức tổ 6

cũ), phường Đ, TP Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020. Trong thời gian qua gia đình và bản thân chúng tôi đã cố gắng hòa giải tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy tôi xin ly hôn với anh S, đề nghị Tòa án xem xét.

Về con chung: Tôi và anh S có 01 con chung là Hoàng Kiều A, sinh ngày 23/6/2015. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi con. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đóng góp nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết bị đơn là anh Hoàng Thái S trình bày:

Tôi và chị Lê Thị Y kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, TP Thái Nguyên năm 2015 theo đúng quy định của luật pháp. Chúng tôi sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2020, nay tôi cũng không còn tình cảm với chị Y, vì vậy tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Kiều A, sinh ngày 23/6/2015. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Y giữ nguyên quan điểm, không thay đổi bổ sung nội dung gì khác. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì. Về nội dung và phương án giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Y và anh S; giao con chung là Hoàng Kiều A, sinh ngày 23/6/2015, cho chị Lê Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Cần buộc chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án tranh ly hôn giữa nguyên đơn là chị Lê Thị Y và bị đơn là anh Hoàng Thái S. Căn cứ quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về nội dung vụ án*.

[2.1] *Quan hệ hôn nhân*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 10/2/2015, tại quyền số 01/2015 của UBND phường Đ, TP Thái Nguyên, Hội đồng xét xử xét thấy chị Y và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân phải được xây dựng dựa trên tình cảm và sự gắn kết chia sẻ giữa vợ chồng. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân, chị Y và anh S sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2020, hiện tại không còn quan tâm đến nhau. Nay cả hai bên đều xác định không còn tình cảm vợ chồng. Chị Y xin ly hôn, anh S nhất trí thuận tình ly hôn.

Từ đó Hội đồng xét xử đánh giá thấy có cơ sở xác định cuộc hôn nhân giữa chị Y và anh S không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Y và anh S là phù hợp.

[2.2] *Về con chung*: Chị Y và anh S đều xác định vợ chồng có một con chung là cháu Hoàng Kiều A, sinh ngày 23/6/2015. Quá trình giải quyết cả hai vợ chồng đều có nguyện vọng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cả hai bên đều đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên cháu Anh tuổi còn nhỏ (7 tuổi), lại là con gái, bản thân cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ, do đó nên giao con chung cho mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Sau khi ly hôn, chị Y và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn, anh S có quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

[2.3] *Tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Chị Lê Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Y và anh Hoàng Thái S.

1.2. *Về con chung*: Giao con chung là Hoàng Kiều A, sinh ngày 23/6/2015 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Sau khi ly hôn, anh S có quyền và có nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Y và anh Hoàng Thái S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Lê Thị Y và anh Hoàng Thái S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước (được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0001062 ngày 28/3/2022 tại Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên).

Báo cho chị Y biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh S biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND TP Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- UBND nơi đương sự cư trú;
- Lưu HS;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LƯƠNG ĐỨC LONG

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LƯƠNG ĐỨC LONG